

Bản án số: 180/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Vinh.

2. Bà Nguyễn Thị Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Ánh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 397/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 519/TB-TA ngày 08/9/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng D – sinh năm: 1975.

Địa chỉ: 257 Chung cư CT4A, khu đô thị Vĩnh Diêm T, xã Vĩnh H, Nha Trang, Khánh Hòa.

Có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Quang V – sinh năm: 1964.

Địa chỉ: 257 Chung cư CT4A, khu đô thị Vĩnh Diêm T, xã Vĩnh H, Nha Trang, Khánh Hòa.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Mộng D trình bày:

Bà và ông Phạm Quang V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh H, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa vào năm 2013.

Trong quá trình chung sống, bà thường xuyên bị ông V bạo hành, sỉ nhục, bà nhiều lần nhờ Công an xã Vĩnh H can thiệp, con gái bị khủng hoảng tinh thần nặng nề do thường xuyên chứng kiến cảnh ông V bạo lực với bà. Giữa bà và ông V không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nay tình cảm vợ chồng không còn

nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Về con chung: có 01 con chung là Phạm Cát T - sinh ngày 06/8/2008, bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn – ông Phạm Quang V trình bày:

Về thời gian kết hôn và con chung đúng như bà D đã trình bày. Nay bà D xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn.

Ông cho rằng trong thời gian hơn 16 năm chung sống, đôi khi do quan điểm bất đồng và những áp lực của cuộc sống nên giữa vợ chồng ông có những xô xát. Việc này cũng có thể do ông và vợ không kiểm soát được sự nóng giận. Do ảnh hưởng dịch covid nên công việc kinh doanh của ông không hiệu quả, đây cũng có thể là một trong những lý do mà vợ ông xin ly hôn.

Ông không muốn ly hôn vì vợ chồng có thể hòa giải để chung sống, vì ông đã từng ly hôn một lần nên biết rất rõ kết cục các vụ ly hôn sẽ ảnh hưởng đến con cái. Con cái lớn lên không thể thiếu sự chăm sóc của cha mẹ.

Về con chung: ông đề nghị theo nguyện vọng của con.

Tài sản chung và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: hiện tại cháu Phạm Cát T - sinh ngày 06/8/2008 đang ở cùng bà D, cháu T cũng có nguyện vọng muốn ở cùng mẹ sau khi ba mẹ ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà D nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo lợi ích cho cháu, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông V do bà D không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D, ông V không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Mộng D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn đang cư trú tại thành phố Nha Trang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm

a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mộng D và ông Phạm Quang V kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh H, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 09/9/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà D trong quá trình giải quyết vụ án, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã 10 năm nay, do ông V thường xuyên bạo hành và sỉ nhục bà D. Sự việc này bà D cũng có báo cáo lên Công an xã Vĩnh H nhờ can thiệp nhưng ông V vẫn không thay đổi. Bà D đã cố gắng chịu đựng cho đến nay thì không còn tình cảm vợ chồng nữa nên xin ly hôn ông V.

Ông V cũng thừa nhận giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và áp lực cuộc sống. Ông V cho rằng vợ chồng không kiểm soát được sự nóng giận nên có xô xát nhau và nguyên nhân chính mà bà D ly hôn là do việc kinh doanh của ông V không hiệu quả. Ông V không đồng ý ly hôn vì mong muốn hàn gắn gia đình để con cái có đủ tình thương và sự chăm sóc của cha mẹ. Tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông V vẫn không có biện pháp nào để hàn gắn gia đình, hiện tại bà D cũng không còn tình cảm với ông V.

Trong Biên bản xác minh tại Công an xã Vĩnh H ngày 12/9/2022 và Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H ngày 29/9/2022, kết quả xác minh cho biết vợ chồng ông Phạm Quang V và bà Nguyễn Thị Mộng D có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau, bà D có nộp đơn yêu cầu giải quyết về việc bị ông V bạo hành, Công an xã Vĩnh H có mời ông V lên làm việc nhưng ông V không đến.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà D và ông V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà D là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung, xét yêu cầu được nuôi con chung của bà Diệp, nguyện vọng muốn ở với mẹ của cháu T, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Diệp có đủ sức khỏe, có công việc, nơi ở ổn định đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Phạm Cát T - sinh ngày 06/8/2008 cho bà D nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: bà D và ông V không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: bà Nguyễn Thị Mộng D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Mộng D được ly hôn với ông Phạm Quang V.

Về con chung: Giao cháu Phạm Cát T - sinh ngày 06/8/2008 cho bà Nguyễn Thị Mộng D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà D, ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà D, ông V có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về tài sản chung, nợ chung: bà D và ông V không yêu cầu giải quyết, nếu sau này có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị Mộng D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001413 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- UBND xã Vĩnh H, Nha Trang (GCNKH số 49 ngày 09/9/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Vũ Linh